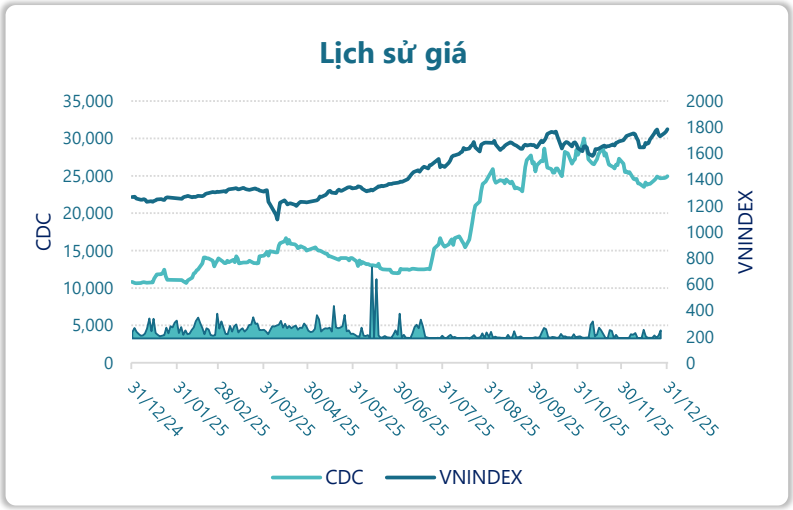
FireAnt

CTCP Chương Dương (HSX: CDC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**24,950**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,635
SL cổ phiếu LH	52,772,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	630,254
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,317
P/E	54.9
EPS	454

DT thuần

Q4/25

240

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.0| -16.9%

YoY: ▼199| -45.3%

LN sau thuế

Q4/25

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.05| 24.3%

YoY: ▼12.3| -54.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.1%

+/- YoY: ▲ 1.9%

DT thuần

2025

1,031

tỷ VNĐ

YoY: ▼138| -11.8%

LN sau thuế

2025

23.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.30| -1.2%

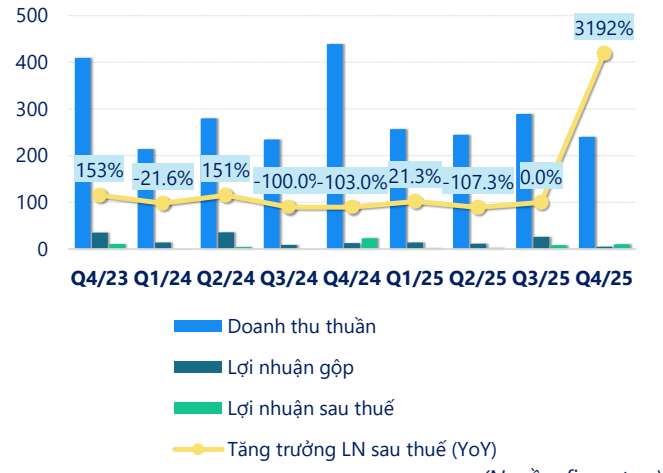
ROE

2025

3.6%

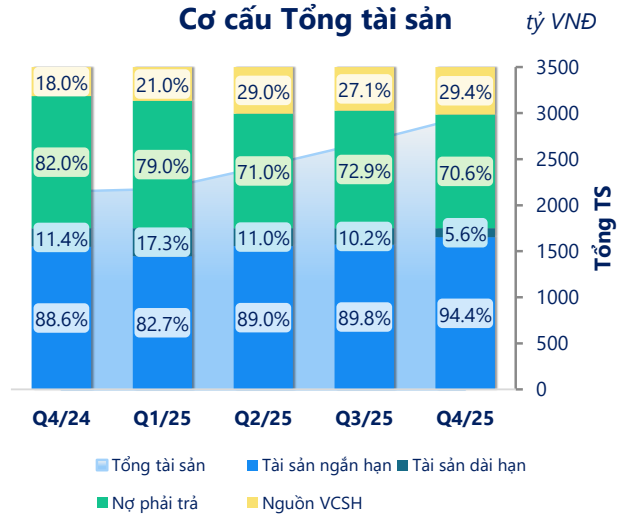
+/- YoY: ▼ 2.4%

Kết quả kinh doanh



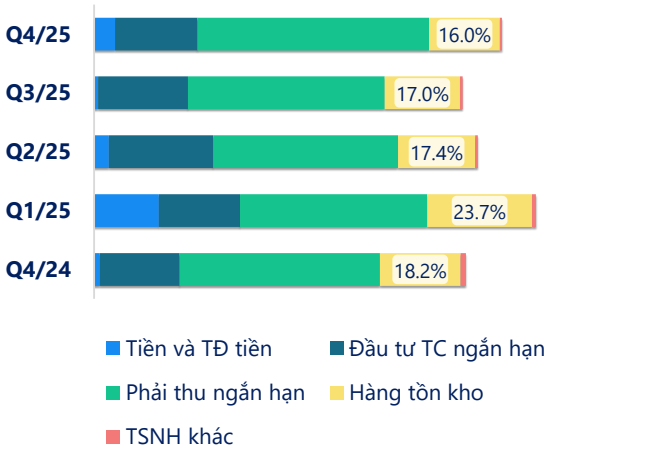
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



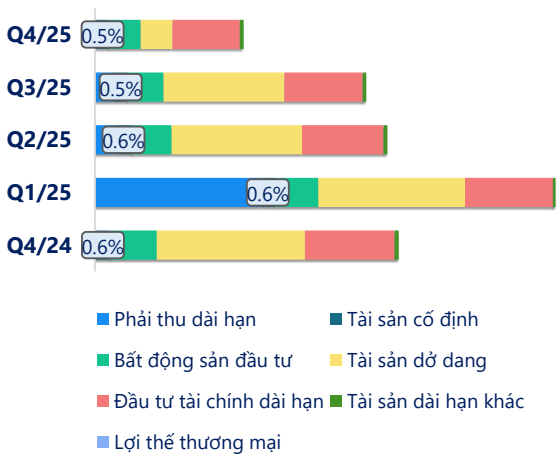
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



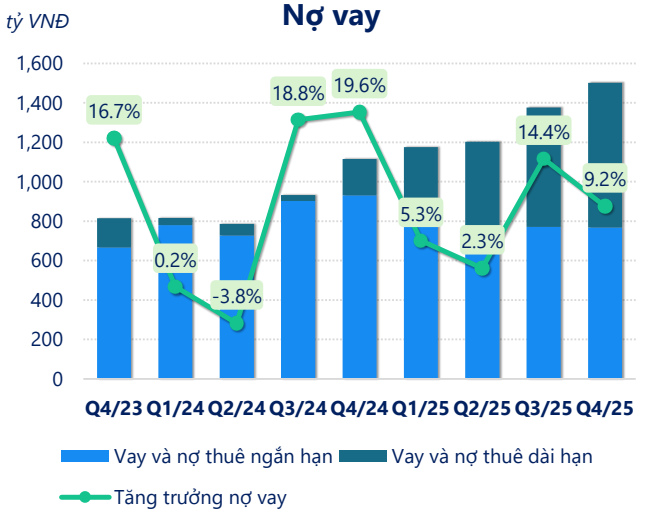
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



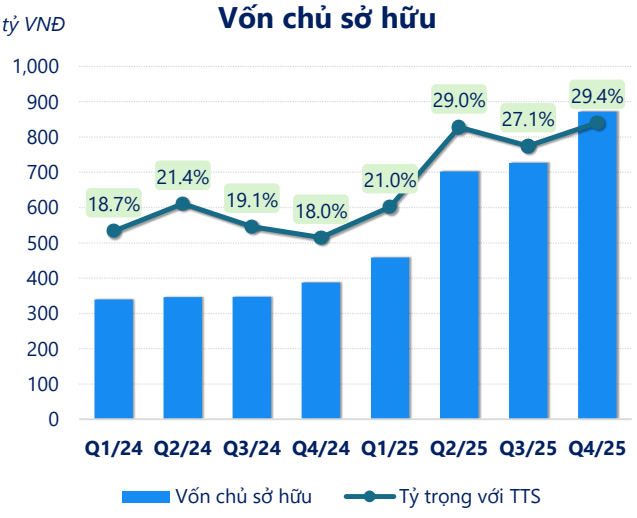
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



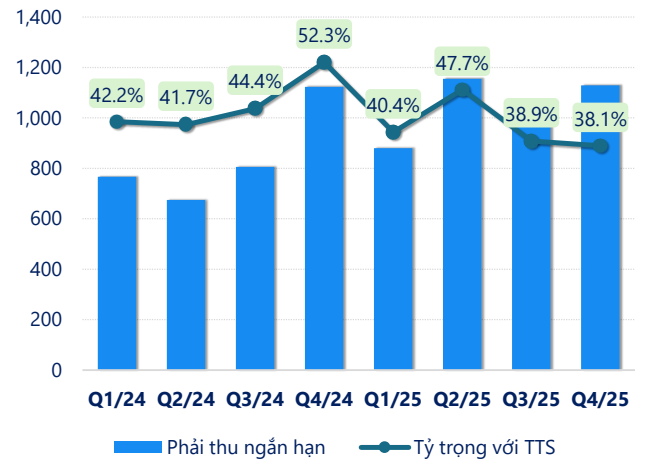
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



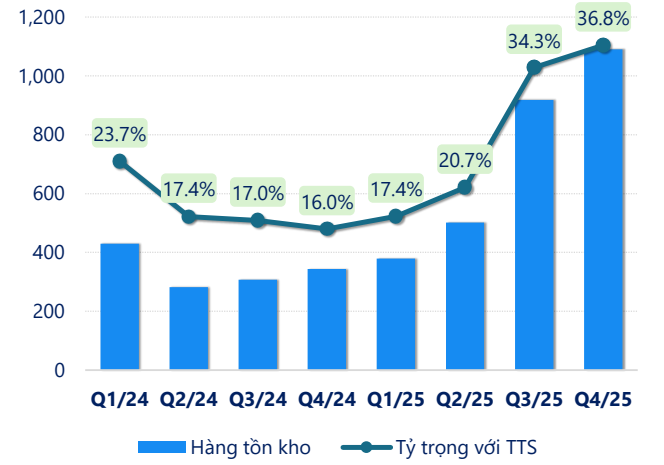
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



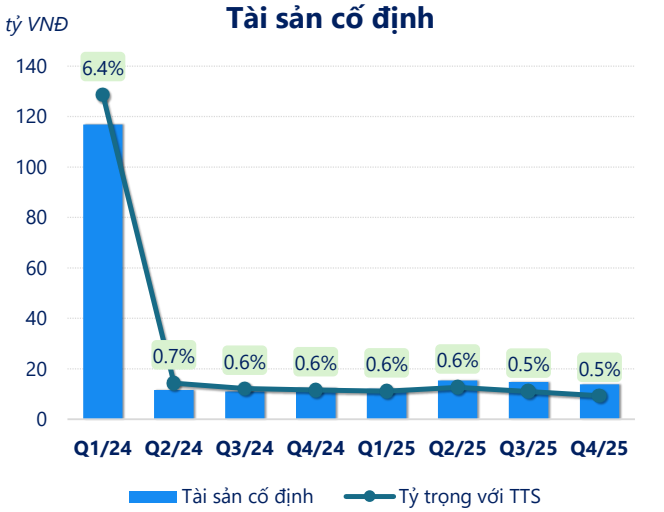
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



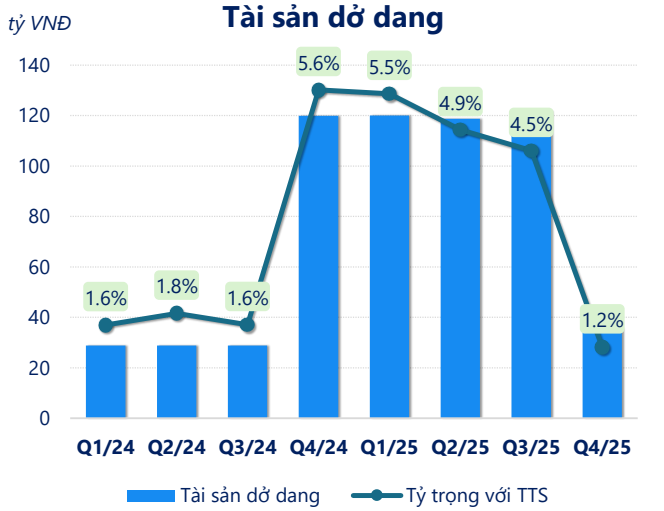
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



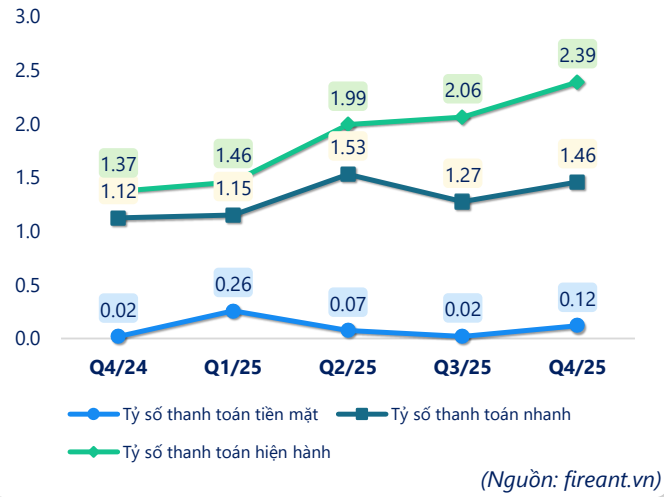
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



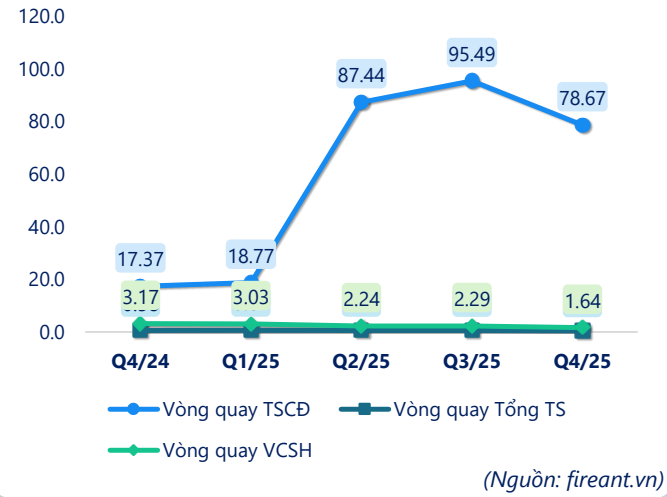
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,148**	**2,178**	**2,423**	**2,680**	**2,962**
Tài sản ngắn hạn	**1,903**	**1,800**	**2,157**	**2,407**	**2,797**
Tiền và tương đương tiền	26.2	318	80.0	23.6	140
Đầu tư tài chính ngắn hạn	400	210	401	396	406
Phải thu ngắn hạn	1,123	880	1,155	1,043	1,129
Hàng tồn kho	344	379	501	919	1,090
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	12.9	19.5	25.5	31.5
Tài sản dài hạn	**245**	**377**	**266**	**274**	**166**
Phải thu dài hạn	0.24	136	18.3	18.5	1.62
Tài sản cố định	12.4	12.1	15.3	14.7	13.8
Bất động sản đầu tư	37.2	35.4	36.3	35.8	35.4
Tài sản dở dang	120	120	119	122	35.7
Đầu tư tài chính dài hạn	72.3	71.9	74.3	79.0	74.7
Tài sản dài hạn khác	3.38	2.30	3.54	3.63	4.38
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,761**	**1,719**	**1,722**	**1,954**	**2,091**
Nợ ngắn hạn	**1,388**	**1,234**	**1,082**	**1,167**	**1,171**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	932	876	740	771	768
Phải trả người bán ngắn hạn	128	133	109	147	101
Nợ dài hạn	373	485	639	787	920
Vay và nợ thuê dài hạn	184	299	462	606	734
Nguồn vốn chủ sở hữu	**387**	**458**	**702**	**726**	**871**
Vốn chủ sở hữu	**387**	**458**	**702**	**726**	**871**
Vốn điều lệ	220	220	440	440	528
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)